

Số: /2022/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT
về quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên Đán
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ____/____/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết về quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và tổng hợp các ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua việc quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 – 2025 theo Tờ trình số ____/TTr-UBND ngày ____/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, hộ nghèo, hộ cận nghèo, cá nhân là đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng thuộc diện chính sách, bảo trợ xã hội, hưu trí, bệnh nhân, phạm nhân;... công chức, viên chức, người lao động (có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5.0 trở xuống) tại các cơ quan Đảng, Đoàn thể, Quản lý Nhà nước, sự nghiệp công lập đóng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Các cá nhân, gia đình, các đơn vị có liên quan đến việc hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025.

Điều 3. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng như sau:

1. Mức 10.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Phó bí thư Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu.

2. Mức 7.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu.

3. Mức 5.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí:

a) Là đảng viên 65 năm tuổi Đảng trở lên (*Riêng các đồng chí có 70 năm tuổi Đảng trở lên mỗi đồng chí kèm theo 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/đồng chí*).

b) Là cán bộ hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

4. Mức 4.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa.

5. Mức 3.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là: Đảng viên từ 55 năm đến 64 năm tuổi Đảng.

6. Mức 2.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là nguyên trưởng, phó các ban Đảng, ủy viên Ban kiểm tra Tỉnh ủy các khóa không là tỉnh ủy viên đã nghỉ hưu.

7. Mức 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 40 năm đến 54 năm tuổi Đảng;

8. Mức quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí, gia đình các đồng chí có công đóng góp cho tỉnh Biên Hòa cũ.

9. Mức 1.000.000 đồng/người (hoặc 1.000.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Đảng viên từ 30 năm đến 39 năm tuổi Đảng.

b) Gia đình các đồng chí nguyên ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, ủy viên ban chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa đã từ trần; Cán bộ chính sách và gia đình cán bộ chính sách đã từ trần (hỗ trợ thêm thêm 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/người).

c) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và các hợp đồng lao động tại các cơ quan, đơn vị được Ban thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận còn hiệu lực đến thời điểm hiện nay) hiện đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp

huyện và nhân viên của 06 bệnh viện công lập của tỉnh đã thực hiện cơ chế tự chủ tài chính về chi thường xuyên (gồm: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Bệnh viện Nhi Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành).

d) Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) và cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ ấp, khu phố theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

e) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thống kê, Cục Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Cục và Chi cục Thi hành án, Chi cục dự trữ nhà nước, Bảo hiểm xã hội; cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; cán bộ, công chức phục vụ Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Đồng Nai; sĩ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sỹ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04.

f) Cán bộ, nhân viên trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Trung cấp Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng nghề Lilama II (Long Thành), Trường Cao đẳng nghề số 8 (Biên Hòa), Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi (Trảng Bom), Trường Trung cấp nghề Cơ điện Đông Nam Bộ (Vĩnh Cửu), Vườn Quốc gia Cát Tiên, Phân xã Đồng Nai và phóng viên thường trú báo Nhân dân tại Đồng Nai; giáo viên Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diết - Trường Đại học Đồng Nai.

(Đối tượng nêu tại điểm c, d, e và f nêu trên có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5,0 trở xuống).

g) Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (công an viên thường trực ở xã và công an viên phụ trách ở ấp).

h) Phó Chỉ huy trưởng quân sự, lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn.

i) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng.

j) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

k) Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (trừ thương binh đang công tác ở những doanh nghiệp có hưởng lương).

l) Thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng.

m) Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.

n) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy có hồ sơ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý đang hưởng trợ cấp thường xuyên theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

o) Người hưởng lương hưu, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng.

p) Người được hưởng chế độ tiền tuất (từ trần).

q) Người được hưởng trợ cấp phục vụ Mẹ Việt Nam Anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%.

r) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp thường xuyên.

s) Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và DK1 được hưởng mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ (không tính theo số người trong hộ).

t) Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được hưởng chế độ trợ cấp hàng

tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Mức 800.000 đồng/hộ hỗ trợ cho các đối tượng là:

a. Hộ nghèo đầu năm 2022 (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của Trung ương tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

11. Mức 600.000 đồng/người (hoặc 600.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Hộ cận nghèo đầu năm 2022 (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của Trung ương tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Học sinh đang học tại các Trường Dân tộc nội trú của tỉnh; Học sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Học sinh của Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diết - Trường Đại học Đồng Nai.

c) Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý.

d) Các đối tượng ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập (đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận).

đ) Các đối tượng tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

e) Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

12. Mức 400.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ăn Tết tại cơ sở y tế;

b) Người lang thang cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm Bảo trợ huấn nghệ cô nhi Biên Hòa.

13. Mức 200.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy.

b) Phạm nhân đã bị kết án đang được giam giữ trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.

Điều 4: Nguồn kinh phí thực hiện:

Từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kì họp Hội đồng nhân dân tỉnh;

2. Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố áp dụng thực nội dung chính sách theo quy định của Nghị quyết theo hướng dẫn của UBND tỉnh đảm bảo sự thống nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày ____/2022 và có hiệu lực từ ngày ____/..../2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành khối tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT; CV HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

